

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3919/2025/QĐ-UBND ngày 16/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 3569/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025; Số 4350/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc như sau:

Tổng số kinh phí điều chỉnh: 10.457,118 triệu đồng

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được giao, các đơn vị lập 04 bản Tabmis gửi về Sở Y tế để thực hiện nhập dự toán và triển khai thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Các Ông (bà): Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính; Chánh văn phòng Sở và Thủ trưởng đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Công TTĐT SYT (C/khai)
- Sở Tài chính;
- Thủ trưởng cơ quan Văn phòng Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC3.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Diện

Phụ biểu

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ DỰ TOÁN NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Số dự toán đã giao	Số dự toán điều chỉnh theo Quyết định số 4350/QĐ-UBND ngày 14/11/2025		Số dự toán đã giao điều chỉnh đợt này		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số dự toán điều chỉnh tăng	Số dự toán điều chỉnh giảm	Số dự toán điều chỉnh tăng	Số dự toán điều chỉnh giảm		
	Tổng số	80.861,528	6.341,000	6.341,000	4.116,118	4.116,118	80.861,528	
I	Kinh phí tự chủ	17.707,000	6.341,000	0	2.014,000	2.014,000	24.048,000	
I.1	Kinh phí tự chủ cấp đầu năm	17.707,000	0	0	0	2.014,000	15.693,000	
1	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần	17.707,000	0	0	0	2.014,000	15.693,000	Kinh phí dự 15 biên chế của Trung tâm Bảo trợ tâm thần nhưng không được giao biên chế
I.2	Kinh phí đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công khám sức khỏe cán bộ định kỳ theo Quyết định số 3909/QĐ-UBND và Quyết định số 2115/QĐ-SYT	0	6.341,000	0	2.014,000	0	8.355,000	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	0	6.341,000	0	818,000	0	7.159,000	
2	Bệnh viện Đa khoa khu vực Đông Triều	0	0	0	423,000	0	423,000	
3	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn	0	0	0	190,000	0	190,000	

STT	Tên đơn vị	Số dự toán đã giao	Số dự toán điều chỉnh theo Quyết định số 4350/QĐ-UBND ngày 14/11/2025		Số dự toán đã giao điều chỉnh đợt này		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số dự toán điều chỉnh tăng	Số dự toán điều chỉnh giảm	Số dự toán điều chỉnh tăng	Số dự toán điều chỉnh giảm		
4	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiên Yên	0	0	0	317,000	0	317,000	
5	Bệnh viện Đa khoa khu vực Móng Cái	0	0	0	266,000	0	266,000	
II	Kinh phí không tự chủ	64.898,528	0	6.341,000	2.102,118	2.102,118	58.557,528	
II.1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	37.509,600	0	6.341,000	1.366,000	1.366,000	32.116,600	
1	Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị	30.102,600	0	881,000	0	418,000	28.803,600	
2	Kinh phí để phục vụ công tác khám sức khỏe cán bộ	7.407,000	0	5.460,000	1.366,000	0	3.313,000	
3	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 28/2023/NQ-HĐND	2.050,000	0	0	0	948,000	1.102,000	
II.2	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe Tâm thần	16.760,400	0	0	33,381	715,118	16.078,663	
1	Kinh phí dịch vụ sự nghiệp công	2.650,000	0	0	33,381	0	2.683,381	
2	Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị	6.225,000	0	0	0	230,000	5.995,000	

STT	Tên đơn vị	Số dự toán đã giao	Số dự toán điều chỉnh theo Quyết định số 4350/QĐ-UBND ngày 14/11/2025		Số dự toán đã giao điều chỉnh đợt này		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số dự toán điều chỉnh tăng	Số dự toán điều chỉnh giảm	Số dự toán điều chỉnh tăng	Số dự toán điều chỉnh giảm		
3	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất	6.485,400	0	0	0	111,000	6.374,400	
4	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 28/2023/NQ-HĐND	1.400,000	0	0	0	374,118	1.045,882	
II.3	Chi cục Dân số	865,000	0	0	466,000	0	1.331,000	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ công tác Dân số	865,000	0	0	114,000	0	979,000	
2	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người tự nguyện triệt sản theo Nghị quyết số 58/2012/NQ-HĐND	0	0	0	352,000	0	352,000	
II.4	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	1.704,000	0	0	215,737	0	1.919,737	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ công tác An toàn thực phẩm	1.704,000	0	0	215,737	0	1.919,737	
II.5	Văn phòng Sở Y tế	4.265,528	0	0	21,000	21,000	4.265,528	
1	Kinh phí đảm bảo xã hội tập trung và quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	3.270,000	0	0	0	21,000	3.249,000	
2	Kinh phí Chương trình Phòng chống tệ nạn xã hội	853,528	0	0	4,000	0	857,528	
3	Kinh phí Chương trình hành động quốc gia vì Người cao tuổi	142,000	0	0	17,000	0	159,000	

Đơn vị: Sở Y tế Quảng Ninh

Chương: 423

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2761/QĐ-SYT ngày 14/11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)

Dùng cho các Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh (Phòng, cơ quan thuộc cấp huyện) báo cáo Sở Tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số	Văn phòng Sở Y tế	Chi cục Dân số	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Bệnh viện đa khoa khu vực Đông Triều	Bệnh viện đa khoa khu vực Vân Đồn	Bệnh viện đa khoa khu vực Tiên Yên	Bệnh viện đa khoa khu vực Móng Cái
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0	0	466,000	215,737	818,000	(2.695,737)	423,000	190,000	317,000	266,000
II.1	Kinh phí chi y tế, dân số và gia đình	0	0	466,000	215,737	818,000	(2.695,737)	423,000	190,000	317,000	266,000
1	Kinh phí tự chủ	6.341,000	0	0	0	7.159,000	(2.014,000)	423,000	190,000	317,000	266,000
1.1	Kinh phí tự chủ cấp đầu năm	(2.014,000)	0	0	0	0	(2.014,000)	0	0	0	0
1.2	Kinh phí đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công khám sức khỏe cán bộ	8.355,000	0	0	0	7.159,000		423,000	190,000	317,000	266,000
2	Kinh phí không tự chủ	(6.341,000)	0	466,000	215,737	(6.341,000)	(681,737)	0	0	0	0
2.1	Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị, sửa chữa cơ sở vật chất	(1.640,000)	0	0	0	(1.299,000)	(341,000)	0	0	0	0
2.2	Kinh phí để phục vụ công tác khám sức khỏe cán bộ	(4.094,000)	0	0	0	(4.094,000)	0	0	0	0	0
2.3	Kinh phí dịch vụ sự nghiệp công	33,381	0	0	0	0	33,381	0	0	0	0
2.4	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ công tác Dân số	466,000	0	466,000	0	0	0	0	0	0	0
2.5	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người tự nguyện triệt sản theo Nghị quyết số 58/2012/NQ-HĐND	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.6	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ công tác An toàn thực phẩm	215,737	0	0	215,737	0	0	0	0	0	0
2.7	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 28/2023/NQ-HĐND	(1.322,118)	0	0	0	(948,000)	(374,118)	0	0	0	0

Số TT	Nội dung	Tổng số	Văn phòng Sở Y tế	Chi cục Dân số	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Bệnh viện đa khoa khu vực Đông Triều	Bệnh viện đa khoa khu vực Vân Đồn	Bệnh viện đa khoa khu vực Tiên Yên	Bệnh viện đa khoa khu vực Móng Cái
II.2	Kinh phí đảm bảo xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Kinh phí không tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí đảm bảo xã hội tập trung và quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	(21,000)	(21,000)	0	0	0	0	0	0	0	0
1.2	Kinh phí Chương trình Phòng chống tệ nạn xã hội	4,000	4,000	0	0	0	0	0	0	0	0
1.3	Kinh phí Chương trình hành động quốc gia vì Người cao tuổi	17,000	17,000	0	0	0	0	0	0	0	0

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2761/QĐ-SYT ngày 14/11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ

Mã số QHNS: 1043525

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	0
1	Kinh phí chi đảm bảo xã hội (Loại 370)	0
1.1	Kinh phí không thực hiện tự chủ	0
-	Kinh phí đảm bảo xã hội tập trung và quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	- 21,000
-	Kinh phí Chương trình Phòng chống tệ nạn xã hội	4,000
-	Kinh phí Chương trình hành động quốc gia vì Người cao tuổi	17,000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2761/QĐ-SYT ngày 14/11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM****Mã số QHNS: 1084562****Mã KBNN nơi giao dịch: 2811***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	215,737
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	215,737
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	215,737
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ công tác An toàn thực phẩm	215,737

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2761/QĐ-SYT ngày 14/11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: CHI CỤC DÂN SỐ****Mã số QHNS: 1081938****Mã KBNN nơi giao dịch: 2811***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	466,000
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	466,000
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	466,000
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ công tác Dân số	114,000
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người tự nguyện triệt sản theo Nghị quyết số 58/2012/NQ-HĐND	352,000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2761/QĐ-SYT ngày 14/11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH****Mã số QHNS: 1017339****Mã KBNN nơi giao dịch: 2811***Đơn vị tính: Triệu
đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Thu sự nghiệp	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1+2)	818,000
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	818,000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.159,000
-	Kinh phí đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công khám sức khỏe cán bộ định kỳ theo Quyết định số 3909/QĐ-UBND và Quyết định số 2115/QĐ-SYT	7.159,000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	- 6.341,000
-	Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị	- 1.299,000
-	Kinh phí để phục vụ công tác khám sức khỏe cán bộ	- 4.094,000
-	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND	-948,000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2761/QĐ-SYT ngày 14/11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN BẢO VỆ SỨC KHOẺ TÂM THẦN****Mã số QHNS: 1089846****Mã KBNN nơi giao dịch: 2811***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	- 2.695,737
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	- 2.695,737
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	- 2.014,000
-	Kinh phí tự chủ giao đầu năm	- 2.014,000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	- 681,737
-	Kinh phí dịch vụ sự nghiệp công	33,381
-	Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị	- 230,000
-	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất	- 111,000
-	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 28/2023/NQ-HĐND	- 374,118

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2761/QĐ-SYT ngày 14/11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC ĐÔNG TRIỀU****Mã số QHNS: 1166372****Mã KBNN nơi giao dịch: 2815***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Thu sự nghiệp	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	423,000
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	423,000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	423,000
-	Kinh phí đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công khám sức khỏe cán bộ định kỳ theo Quyết định số 3909/QĐ-UBND và Quyết định số 2115/QĐ-SYT	423,000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2761/QĐ-SYT ngày 14/11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC VÂN ĐỒN****Mã số QHNS: 1166460****Mã KBNN nơi giao dịch: 2813***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	190,000
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	190,000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	190,000
-	Kinh phí đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công khám sức khỏe cán bộ định kỳ theo Quyết định số 3909/QĐ-UBND và Quyết định số 2115/QĐ-SYT	190,000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2761/QĐ-SYT ngày 14/11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TIỀN YÊN****Mã số QHNS: 1166531****Mã KBNN nơi giao dịch: 2814***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Thu sự nghiệp	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	317,000
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	317,000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	317,000
-	Kinh phí đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công khám sức khỏe cán bộ định kỳ theo Quyết định số 3909/QĐ-UBND và Quyết định số 2115/QĐ-SYT	317,000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2761/QĐ-SYT ngày 14/11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC MÓNG CÁI****Mã số QHNS: 1166435****Mã KBNN nơi giao dịch: 2818***Đơn vị tính: Triệu
đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Thu sự nghiệp	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	266,000
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	266,000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	266,000
-	Kinh phí đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công khám sức khỏe cán bộ định kỳ theo Quyết định số 3909/QĐ-UBND và Quyết định số 2115/QĐ-SYT	266,000